

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **39/2025/HNGĐ-PT**

Ngày: 11 – 11 – 2025

V/v: Ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Y Phi Kbuôr

*Các Thẩm phán:* Bà Đinh Thị Tuyết, bà Đặng Thị Thu Hằng

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Minh Chi - Thư ký viên TAND tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 45/2025/TLPT-HNGĐ ngày 06/10/2025 về việc “Ly hôn”. Do Bản án sơ thẩm số 06/2025/HNGĐ-ST ngày 07/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXPT-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị L, sinh năm 1971 (có mặt); Địa chỉ: Tổ dân phố 2, xã K, tỉnh Đắk Lắk;

***- Bị đơn:*** Ông Võ Văn Q, sinh năm 1969 (có mặt); Địa chỉ: Tổ dân phố 2, xã K, tỉnh Đắk Lắk.

**\* Người kháng cáo:** Bà Trần Thị L.

**\* Người kháng nghị:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, bà Trần Thị L trình bày:***

***- Về quan hệ hôn nhân:*** Khoảng năm 1998, tôi và ông Võ Văn Q chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện yêu thương nhau, nhưng đến năm 2018 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND xã K, tỉnh Đắk Lắk) theo quy định.

Cuộc sống chung hạnh phúc trong một thời gian thì đến năm 2022 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, lý do ông Q không quan tâm chăm sóc vợ, cuộc sống không có tiếng nói chung trong một thời gian dài, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với ông Q.

- Về con chung: Chúng tôi không có con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn ông Võ Văn Q trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Khoảng năm 1996 tôi và bà Trần Thị L tự nguyện về chung sống với nhau, đến tháng 11/2018 thì tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND xã K, tỉnh Đắk Lắk).

Hai người chung sống hạnh phúc cho đến nay, không phát sinh mâu thuẫn gì, hiện tại vợ chồng vẫn chung sống cùng nhau. Nay bà L xin ly hôn, vì theo bà L tôi không quan tâm chăm sóc vợ, vợ chồng không có tiếng nói chung thì tôi không đồng ý vì tôi vẫn còn thương vợ, tôi cũng không biết lý do vì sao bà L lại ly hôn với tôi. Do đó tôi không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

- Về con chung: Chúng tôi không có con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2025/HNGĐ-ST ngày 07/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk, đã quyết định:***

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị L đối với ông Võ Văn Q.

[2] Về tài sản chung, nợ chung: Do yêu cầu ly hôn không được chấp nhận nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày 20/8/2025, nguyên đơn bà Trần Thị L có đơn kháng cáo và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk đã ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-HNGĐ, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, cho bà L được ly hôn với ông Quang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo; Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị; bị đơn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án cũng như các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

+ Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị L và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk;

+ Sửa Bản án sơ thẩm số 06/2025/HNGĐ-ST ngày 07/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị L với ông Võ Văn Q

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

Đơn kháng cáo của nguyên đơn được nộp trong thời hạn luật định và đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk không rút kháng nghị. Đồng thời, các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị L và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk, Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét thấy:

Tại các biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, bị đơn ông Quang nhiều lần cho rằng ông Q và bà L có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong thời kỳ hôn nhân nhưng ông Q không đồng ý ly hôn do cả hai người không thoả thuận được với nhau về việc phân chia tài sản.

Ngoài ra, bà L trình bày mặc dù cả hai vợ chồng vẫn sống cùng nhà nhưng mỗi người đều sinh hoạt riêng; trong thời gian bà L bị tai biến phải điều trị ở Bệnh viện thì ông Q không quan tâm, chăm sóc mà bỏ mặc cho con gái riêng của bà L. Sau khi vụ án được xét xử sơ thẩm, bà L cho rằng ông Q còn có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và bà L đã cung cấp tình tiết mới của vụ án là 01 USB có chứa file ghi âm cuộc gọi của ông Quang với người phụ nữ này.

Như vậy, việc ông Q cho rằng ông vẫn còn tình cảm với bà L là mâu thuẫn với lời khai của ông Q, bà L cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên toà phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã cho tạm ngừng phiên toà 15 phút để ông Q và bà L trao đổi, hoà giải với nhau nhưng do ông Q không thuyết phục được bà L rút đơn xin ly hôn để vợ chồng đoàn tụ nên ông Q trình bày mong muốn được bà L chia một ít tài sản và đất, để ông Q có chỗ nương tựa cũng như có vốn làm ăn. Bà L đồng ý với yêu cầu này của ông Q.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, trong thời kỳ hôn nhân với bà L thì ông Q đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của người chồng; cuộc sống hôn nhân của ông Q, bà L là không còn hạnh phúc; mục đích hôn nhân không đạt được; các bên không còn quan tâm và chăm sóc lẫn nhau; theo bà L thì việc ông Q không đồng ý ly hôn là do bà L không đồng ý chia tài sản cho ông Q chứ không phải do ông Q còn tình cảm với bà L.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị L và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk là có cơ sở để chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông Q.

[3] Về con chung: Các đương sự không có con chung nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, nếu sau này có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu các đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Do đơn kháng cáo được chấp nhận nên nguyên đơn bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn và không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

- Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị L;
- Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 28/8/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk;
- Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2025/HNGĐ-ST ngày 07/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk;

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51; Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị L được ly hôn với ông Võ Văn Q.
- Về con chung: Các đương sự không có con chung nên Tòa án không xem xét.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.2] Về án phí:

Nguyên đơn bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0012083 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 - Đắk Lắk).

Nguyên đơn bà Trần Thị L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm nên bà L được nhận lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm

ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu số 0000289 ngày 20/8/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 - Đăk Lăk.

**[2.3]** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa phúc thẩm - TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- TAND khu vực 10 – Đăk Lăk;
- Phòng THADS khu vực 10 – Đăk Lăk;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Y Phi Kbuôr**